

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24- 03 - 2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đào Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Ngọc Châu và ông Dương Đông Phong.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 189/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Phạm Thị H, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: anh Vũ Xuân H1, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày: chị và anh H1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 10/04/2008 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính cách, không thống nhất trong kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, quá chán nản nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2016, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng

không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh H1.

Về con chung: chị H khai, chị và anh Vũ Xuân H1 có một con chung. Cháu tên là Vũ Nhất H2, sinh ngày 29/4/2008. Hiện nay cháu H2 đang ở với anh H1. Chị đề nghị giao cháu H2 cho anh H1 nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ, triệu tập anh Vũ Xuân H1 đến Toà án để viết bản khai, nhưng anh H1 đã không có mặt mà không có lý do, nên không có bản khai của anh H1.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh H1 và giao cháu H2 cho anh H1 nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: anh Vũ Xuân H1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, nhưng không có mặt mà không có lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Anh H1 cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do, chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H và anh H1 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: chị Phạm Thị H và anh Vũ Xuân H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Theo chị H, sau khi kết hôn, vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính cách, không thống nhất trong kinh tế, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Theo biên bản xác minh ngày 23/12/2020, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, vợ chồng chị H, anh H1 sau khi kết hôn, chung sống với nhau đến năm 2016 thì chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ, tại tỉnh Hải Dương sinh sống cho đến nay. Như vậy, giữa chị H và anh H1 đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm

vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giải quyết cho chị H được ly hôn anh H1 là phù hợp.

[3]. Về con chung: chị Phạm Thị H khai, vợ chồng có một con chung, cháu tên là Vũ Nhất H2, sinh ngày 29/4/2008. Chị H cũng xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh, trong đó xác định cháu H2 là con chung của chị H và anh H1. Mặt khác, cháu H2 được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên đủ cơ sở khẳng định cháu H2 là con chung của chị H và anh H1.

Cũng theo biên bản xác minh ngày 23/12/2020, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H thì năm 2016, chị H bỏ về sinh sống với bố mẹ đẻ, cháu H2 do anh H1 nuôi dưỡng cho đến khi anh H1 bỏ đi khỏi địa phương và có dẫn theo cháu H2 đi cùng. Vì vậy, Tòa án không lấy được ý kiến về nguyện vọng của cháu H2. Để tránh sự xáo trộn về tâm sinh lý cũng như việc học tập, nên giao cháu H2 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị H không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung, mặt khác anh H1 lại không có mặt tại Tòa án nên không có lời khai của anh H1 về cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, không buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sẽ được Tòa án giải quyết khi có đơn yêu cầu của anh H1.

[4]. Về tài sản: chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 1 Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Vũ Xuân H1.

2. Về con chung: công nhận cháu Vũ Nhất H2, sinh ngày 29/4/2008 là con chung của anh anh Vũ Xuân H1 và chị Phạm Thị H. Giao cháu H2 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở. Chị H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh H1.

3. Về án phí: chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ

(ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0009239 ngày 04/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: chị Phạm Thị H và anh Vũ Xuân H1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Văn Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Ký

Nguyễn Thị Liên

Đào Văn Nam